

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & VẬN TẢI THIỆN HÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & VẬN TẢI THIỆN HÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101637949

**3. Ngày thành lập:** 19/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

vạn An, Xã Mỹ Châu, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0984335558

Fax:

Email: [thienhang1211@gmail.com](mailto:thienhang1211@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>thang máy, thang cuốn<br>cửa cuốn cửa tự động<br>dây dẫn chống sét<br>hệ thống hút bụi<br>hệ thống âm thanh<br>hệ thống cách âm, cách nhiệt, cách rung                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(KHÔNG kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>chi tiết:<br>bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>bán buôn xi măng<br>bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>bán buôn kính xây dựng<br>bán buôn sơn<br>bán buôn gạch ốp lát, và thiết bị vệ sinh.<br>bán buôn đồ ngũ kim. | 4663(Chính) |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                         | 6810        |
| 8.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                | 7120        |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết : hoạt động trang trí nội ngoại thất.                                                                                                                                                                                                              | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                         | 4933 |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 21. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO VĂN THIỆN     | Việt Nam  | vạn an, Xã Mỹ Châu, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam             | 4.000.000.000         | 66,667    | 052088004560                                                                                            |         |
| 2   | BÙI THỊ THÚY HẰNG | Việt Nam  | Quang nghiễm, Xã Mỹ Châu, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam       | 2.000.000.000         | 33,333    | 052188007148                                                                                            |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO VĂN THIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/03/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052088004560

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Vạn An, Xã Mỹ Châu, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Vạn An, Xã Mỹ Châu, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định